

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SA ĐÉC  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 18/6/2021

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thanh Thùy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hai

2. Bà Nguyễn Thị Nhàn

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12, 31 tháng 5 và ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 382/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

***1.Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 2000

Địa chỉ: Số 351, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

***2.Bị đơn:*** Anh Nguyễn Hoàng T1, sinh năm 1999

Địa chỉ: Số 10, Dãy A3, KDC Đ, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

*Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị T và anh T1 tìm hiểu khoảng 01 năm thì tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 19/11/2019 tại UBND xã T,

thành phố S, Đồng Tháp.

Sau đám cưới, vợ chồng sống chung nhà với cha mẹ ruột chị T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khi chị T sinh con thì phát sinh mâu thuẫn, do anh T1 thường đi sớm về muộn, chị T hỏi thì anh T1 nói là đi làm (anh T1 làm tài xế), nhưng khi chị T điện thoại hỏi chủ xe thì được biết anh T1 không có đi làm như anh T1 nói. Chị T cũng trao đổi, nói chuyện với anh T1 thì anh T1 nói do áp lực từ việc chăm sóc con, về nhà con khóc, còn chị T thì mệt mỏi do chăm con, sức khỏe yếu (do sinh mổ) nên cũng hơi khó chịu với anh T1, do đó anh T1 cảm thấy mệt mỏi, không khí gia đình thêm ngột ngạt nên anh T1 không muốn về nhà mà đi đây đi đó với bạn bè, có khi anh T1 đi qua đêm không về. Từ tháng 02 năm 2020, anh T1 bỏ về nhà cha mẹ ở cho đến nay và từ đó thì vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian ly thân, anh T1 có đến nhà cha mẹ ruột của chị T hăm dọa nếu chị T ly hôn sẽ không cho chị T sống ở Sa Đéc. Sau đó, đến chỗ chị T làm (quán Lộc Huệ) quấy phá làm ảnh hưởng đến công việc, chị T phải nghỉ làm một thời gian.

Vào tháng 12 năm 2019, chị T có nộp đơn yêu cầu xin ly hôn anh T1 nhưng vì lúc đó con mới 03 tháng tuổi nên chị T cho anh T1 cơ hội sửa đổi để vợ chồng đã hòa giải, hàn gắn tình cảm, đoàn tụ về chung sống với nhau. Tuy nhiên, vợ chồng về chung sống cũng không có hạnh phúc, anh T1 vẫn không sửa đổi tính tình. Nay chị T nhận thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn chung sống với anh T1. Chị T yêu cầu ly hôn anh T1.

- Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Nhật A, sinh ngày 24/9/2019 (hiện con đang sống chung với chị T). Khi ly hôn, chị T yêu cầu nuôi con chung, chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

***Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn là anh Nguyễn Hoàng T1 vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.***

Mặc dù anh T1 đã trực tiếp ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, đồng thời đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh T1 vẫn không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa theo quy định và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**\* Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Nhật A, sinh ngày 24/9/2019 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng sau ly hôn; Về cấp

dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nên không xem xét; Về chia tài sản chung, nợ chung không xem xét. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

**[1.1]** Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại số 10, Dãy A3, KDC Đ, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố S, Đồng Tháp.

**[1.2]** Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án. Đối với bị đơn là anh Nguyễn Hoàng T1 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

#### **[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:**

**[2.1]** Về hôn nhân: Xét thấy chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Hoàng T1 chung sống từ năm 2019, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/11/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị T và anh T1 đã phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh T1 thường xuyên đi chơi với bạn bè, có khi không về nhà, không quan tâm vợ con, hiện anh T1 đã về nhà cha mẹ ruột của anh T1 sống, vợ chồng không sống chung từ tháng 2 năm 2020 cho đến nay. Vào năm 2019, chị T đã nộp đơn yêu cầu xin ly anh T1 nhưng khi đó con mới 03 tháng tuổi nên chị T cho anh T1 có hội hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng sau đó vợ chồng về đoàn tụ chung sống cũng không có hạnh phúc. Nay, chị T xác định không tình cảm với anh T1 nên không thể tiếp tục chung sống với anh T1. Chị T yêu cầu được ly hôn anh T1.

Về phía anh T1: Quá trình tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, anh T1 đã ký nhận đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh T1 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, không đến tham dự các buổi hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay. Như vậy, anh T1 đã từ chối các quyền và nghĩa vụ của mình do pháp luật quy định. Bản thân anh T1 cũng không mong muốn hàn gắn tình cảm với chị T nên đã

không đến Tòa án để tham gia hòa giải, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

*1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”.*

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có sự thương yêu, quan tâm lẫn nhau. Giữa chị T và anh T1 cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bản thân anh T1 cũng không có thành ý đến Tòa để hòa giải, đoàn tụ tiếp tục chung sống với chị T. Do đó, xét thấy việc chị T yêu cầu ly hôn anh T1 là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[2.2]** Về nuôi con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi Nguyễn Hoàng Nhật A, sinh ngày 24/9/2019 (hiện con đang sống chung với chị T).

Xét thấy: Hiện nay cháu Nhật A chưa được 36 tháng tuổi và đang sống ổn định với chị T, có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nên tiếp tục giao cháu Nhật A cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho cháu A. Anh T1 được quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

**[2.3]** Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[2.4]** Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét giải quyết.

**[3]** Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

**[4]** Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên Xử:**

**1.** Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T. Cho chị Nguyễn Thị Thanh T ly hôn anh Nguyễn Hoàng T1.

**2.** Về nuôi con chung:

- Chị Nguyễn Thị Thanh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Nguyễn Hoàng Nhật A, sinh ngày 24/9/2019. Hiện cháu A đang sống chung với chị T.

- Chị Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu anh Nguyễn Hoàng T1 cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này nên không xem xét, giải quyết.

- Anh Nguyễn Hoàng T1 có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

**3.** Về chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

**4.** Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị T đã nộp ngày 28/12/2020 theo biên lai thu số 0008603 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố S;
- Chi cục THADS TP. S;
- UBND xã T, TP. S;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Võ Thanh Thùy**